

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
C.TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

TẠI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN



Thực hiện:

KS. Nguyễn Ngọc Dân – Trưởng phòng KH-KT
KS. Nguyễn Đăng Quang – Phó phòng KH-KT
KS. Lại Thị Nhung – Nhân viên phòng KH-KT
CN. Trần Hữu Chiến – Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng.

Bình Định, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH CÁC BẢNG	iii
DANH SÁCH CÁC HÌNH.....	iii
TÓM TẮT.....	iv
1. Giới thiệu	1
1. 1. Đặt vấn đề	1
1. 2. Mục đích của đánh giá	2
1. 3. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động xã hội.....	2
1. 4. Nội dung và phương pháp đánh giá	3
1. 5. Phạm vi đánh giá.....	5
1. 6. Nhóm đánh giá và thời gian đánh giá	5
2. Giới thiệu hiện trường đánh giá.....	6
2. 1. Tình hình chung về diện tích rừng trồng các khu vực đánh giá.....	6
2. 2. Vị trí địa lý và địa hình của các khu vực được đánh giá.....	6
2. 3. Đặc điểm về kinh tế xã hội.....	7
2. 3. 1. Dân sinh.....	7
2. 3. 2. Kinh tế - xã hội	9
2. 4. Rừng và đất rừng của Công ty trong việc đề nghị cấp chứng chỉ rừng	13
3. Đánh giá ban đầu	14
3. 1 Xác định các bên liên quan và vai trò của các bên	14
3. 2. Sàng lọc các tác động xã hội	16
4. Đánh giá các tác động đến xã hội từ hoạt động lâm nghiệp và các giải pháp cần thực hiện	16
4. 1. Trồng rừng và chăm sóc rừng	16
4.2. Quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng	17
4. 3. Hoạt động khai thác	18
4. 4. Phát dọn thực bì.....	19
4. 5. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.....	20
5. Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty Lâm nghiệp Sông Kôn.....	21
5. 1. Các mặt tích cực của các hoạt động xã hội	21
5.2. Các mặt còn chưa thực hiện được của các hoạt động xã hội	22
5.3. Các giải pháp cần khắc phục.....	22
6. Kết luận và kiến nghị.....	23
6.1. Kết luận:	23
6.2. Kiến nghị:.....	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	23
PHỤ LỤC.....	25

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 01. Các địa điểm được lựa chọn đánh giá tác động xã hội	3
Bảng 02: Danh sách các thành viên chính trong nhóm đánh giá	5
Bảng 03: Diện tích rừng cần đánh giá tác động xã hội chia theo đơn vị quản lý	6
Bảng 04: Dân số và mật độ dân số	7
Bảng 05: Số hộ gia đình và số lao động ở các xã cần đánh giá tác động xã hội	8
Bảng 06: Dân tộc ở các xã được đánh giá tác động xã hội	8
Bảng 07: Diện tích và sản lượng một số loại cây trồng chính	11
Bảng 08: Tình hình đời sống của người dân trong các xã đánh giá tác động xã hội	13
Bảng 09. Diện tích rừng được đề nghị cấp chứng chỉ chia theo đơn vị quản lý	

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1-Tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động trồng rừng	17
Hình 2- Tác động trong hoạt động khai thác gỗ	19
Phụ lục 07: Một số hình ảnh tác động tích cực đến xã hội	37
Phụ lục 08: Một số hình ảnh tác động tiêu cực đến xã hội	38

TÓM TẮT

Tình hình hoạt động của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

1. Thông tin về Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn là Công ty 100% vốn Nhà nước, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án tái cơ cấu tại Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 24/6/2016.

- Tên gọi chính thức hiện nay: Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;
- Trụ sở chính: Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3886.299 - Fax: 0256.3886.443.
- Email: lamnghiepskvt@gmail.com.
- Website: lamnghiepsongkon.com.vn.
- Mã số thuế: 4100259010
- Tài khoản giao dịch: 4313201000736
- Vốn Điều lệ: 47.850.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Tình hình quản lý đất, rừng nhà nước giao, cho thuê

Tổng diện tích đất, rừng Công ty quản lý là 12.699,38 ha; phân bổ trên địa bàn các huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân - tỉnh Bình Định và huyện Kbang - tỉnh Gia Lai, cụ thể:

TT	Loại đất	Tổng	Vĩnh Thạnh	Tây Sơn	Hoài Ân	Gia Lai
1	Đất có rừng	11.761,38	10.481,31	580,71	639,19	60,17
-	Rừng tự nhiên	10.351,56	10.238,57		112,99	
-	Rừng trồng	1.409,82	242,74	580,71	526,2	60,17
2	Đất KNPGR	149,44	97,45		51,99	
3	Đất hộ dân canh tác xen kẽ trong RTN	232,62	232,62			
4	Đất chưa có rừng, đất bị lấn chiếm	546,64	353,04	56,35	137,25	0
5	Đất vườn ươm	3,26	1,26	2,00		
6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,33	0,23			0,1
7	Đất giao thông	5,71	5,71			
	Tổng cộng	12.699,38	11.171,62	639,06	828,43	60,27

- Diện tích rừng tự nhiên 10.351,56 ha. Trong đó:

Diện tích rừng tự nhiên giao khoán cho các cộng đồng dân cư xã Vĩnh Sơn quản lý bảo vệ là 2.630,65 ha:

Diện tích Công ty tự tổ chức lực lượng quản lý bảo vệ được nhà nước hỗ trợ kinh phí và tiền dịch vụ môi trường rừng: 7.720,91 ha.

- Diện tích rừng trồng Công ty tự tổ chức quản lý bảo vệ.

3. Lao động, việc làm và thu nhập

- Tổng số lao động Công ty hiện tại là 47 người, trong đó trình độ Thạc sỹ 03 người, Đại học 23 người, Cao đẳng, trung cấp 13 người, sơ cấp 08 người.

- Công ty đã tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho 47 cán bộ công nhân viên, với mức thu nhập bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tạo việc làm cho trên 500 lao động địa phương tại các địa bàn Công ty đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Thực trạng cơ sở hạ tầng của Công ty

- Trụ sở Công ty làm việc: Đặt tại thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh với diện tích là 333 m² gồm nhà ở tập thể, nhà ăn, gara xe con; sân, vườn, tường rào, trụ cổng, bể cở tại Công ty và 9 Trạm bảo vệ rừng, cụ thể:

+ Huyện Vĩnh Thạnh 05 Trạm và 03 Chốt: Trạm bảo vệ rừng Lò Than 97,0m², Trạm bảo vệ rừng Suối Cát 49,5m², Trạm bảo vệ rừng Vĩnh Sơn 126m², Trạm bảo vệ rừng Nước Poon 28m², Trạm bảo vệ rừng Hà Nhe 42m², chốt 109, chốt 134, chốt 191.

+ Huyện Tây Sơn 01 Trạm: Trạm bảo vệ rừng Bình Tân 91,8m²;

+ Huyện Hoài Ân 01 Trạm: Trạm bảo vệ rừng Hoài Ân 60m²;

- Các vườn ươm cây giống: Có 02 vườn ươm cây giống lâm nghiệp tại xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Thạnh và vườn ươm xã Bình Tân, huyện Tây Sơn.

- Hệ thống đường dây điện: Công ty đã đầu tư hệ thống điện 0,4KV phục vụ cho trụ sở làm việc của Công ty ở thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh năm 2002 với chiều dài đường dây 373m. Hiện hệ thống đường điện vẫn đảm bảo chất lượng.

- Hệ thống đường giao thông:

Tổng số đường lâm nghiệp mà Công ty đầu tư xây dựng là 17,2 km đường đất, mặt đường rộng từ 3 - 4 m, trong đó:

+ Tuyến đường lâm nghiệp kết hợp đường băng cản lửa và đường tuần tra bảo vệ rừng tại xã Bok Tới, huyện Hoài Ân dài 3,2 km.

- Hạ tầng lâm sinh khác:

Để thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng, trong thời gian qua bằng nguồn vốn của Công ty, đã đầu tư xây dựng: 32,5 km đường ranh cản lửa cho diện tích rừng trồng; 2 bảng tin tuyên truyền ở Vĩnh Sơn và Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh; 90 biển báo phòng chống cháy rừng.

5. Chiến lược phát triển rừng, kinh doanh rừng trồng

- Định hướng phát triển chung

+ Thực hiện quản lý bảo vệ rừng, đầu tư phát triển vốn rừng bền vững.

+ Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu và vốn đầu tư, từng bước nâng dần thu nhập cho CBVC và NLĐ tại công ty.

+ Thực hiện dự án xã hội góp phần, nâng cao đời sống đồng bào trong khu vực, giải quyết công ăn việc làm, cải thiện môi trường, góp phần ổn định tình hình an ninh kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Rừng tự nhiên:

+ Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên của Công ty là 10.351,56 ha: Quản lý tốt diện tích rừng tự nhiên. Công ty tự tổ chức lực lượng quản lý bảo vệ và giao khoán QLBV một phần diện tích rừng cho các cộng đồng bảo vệ rừng theo phương thức đồng quản lý, lâm nghiệp cộng đồng, tạo điều kiện cho các cộng đồng dân cư sống gần rừng được hưởng lợi và có trách nhiệm đối với rừng, sự tham gia tích cực của chính quyền địa phương từ nguồn vốn đặt hàng của ngân sách Nhà nước và tiền dịch vụ môi trường rừng.

+ Đối với diện tích rừng tự nhiên nghèo kiệt: Xúc tiến các giải pháp nuôi dưỡng và làm giàu bằng các loài cây bản địa để nâng cao chất lượng rừng.

+ Khoanh nuôi, quản lý, trồng các loài cây dược liệu dưới tán rừng nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ rừng bền vững.

+ Trồng phục hồi rừng trên đất trống bằng cây đa mục đích để giải quyết hài hòa lợi ích nhà nước, người dân địa phương.

+ Rừng được cấp chứng chỉ rừng trồng VFCS.

- Rừng trồng:

+ Thực hiện kinh doanh rừng trồng gỗ lớn giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035 với diện tích là 1.626,0 ha, trong đó: diện tích rừng chuyển hóa 876,0 ha; diện tích rừng khai thác trồng lại là 619,0 ha và diện tích trồng rừng mới là 131,0 ha. Hạn chế tiêu thụ dăm gỗ, phát triển trồng rừng gắn với chế biến ván lạng, đồ gỗ nội thất đáp ứng nhu cầu cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Tăng tỷ lệ diện tích rừng trồng bằng cây giống Keo lai nuôi cấy mô trên 70%. Xúc tiến xây dựng cấp chứng chỉ rừng trồng VFCS để nâng cao giá trị và hiệu quả rừng trồng đủ sức cạnh tranh với thị trường nước ngoài. Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất Lâm nghiệp từ trồng rừng đến khai thác, chế biến và xuất khẩu.

+ Quản lý bảo vệ rừng trồng, toàn bộ diện tích rừng trồng là **1.495,52 ha**, Công ty tự tổ chức lực lượng chuyên trách quản lý bảo vệ.

+ Rừng trồng đề nghị cấp chứng chỉ VFCS: **1.291,53 ha**

+ Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất lâm nghiệp từ trồng rừng đến khai thác, chế biến và xuất khẩu.

- Dịch vụ: Phát triển 02 vườn ươm sản xuất cây giống:

+ Vườn ươm Bình Tân - Tây Sơn: Diện tích 25 ha, 20 ha trồng thử nghiệm giống mới, 5 ha vườn ươm cây giống và vườn ngân dòng cung cấp hom.

+ Vườn ươm Vĩnh Sơn: Diện tích 1,5 ha, sản xuất hoa cây cảnh, cây dược liệu, cây lâm nghiệp bản địa.

6. Các tác động chính đến xã hội

- Hoạt động trồng rừng và chăm sóc rừng.

- Hoạt động quản lý và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.
- Hoạt động khai thác rừng.
- Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.

1. Giới thiệu

1. 1. Đặt vấn đề

Rừng và đất rừng là tài nguyên Quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, rừng có vai trò, vị trí to lớn đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển du lịch. Giá trị của rừng không chỉ giới hạn trong giá trị các lâm sản mà bao hàm cả giá trị văn hóa, lịch sử, bảo đảm môi trường sống của con người, điều hòa khí hậu và nguồn nước, góp phần chống thiên tai, bão lũ và biến đổi khí hậu. Do vậy, việc sử dụng rừng và đất rừng phải hết sức tiết kiệm và hợp lý trên cơ sở hiệu quả và bền vững. Với mục tiêu xây dựng và phát triển rừng theo hướng bền vững, Đảng, Nhà nước đã đề ra những chính sách, chương trình lớn cho nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng;

Thực hiện Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhằm bảo vệ và phát triển bền vững đối với toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021 - 2025; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, duy trì ổn định độ che phủ rừng; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đáp ứng yêu cầu về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, phòng hộ và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, phát triển Lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người làm nghề rừng.

Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đang trong quá trình thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững nhằm tiến tới đạt được chứng chỉ rừng VFCS. Một trong những yêu cầu của VFCS là chủ rừng phải xác định các yếu tố của hoạt động quản lý kinh doanh rừng mà có thể ảnh hưởng đến xã hội. Do vậy, cần tiến hành đánh giá tác động xã hội (SIA) cho các hoạt động quản lý rừng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

Đánh giá tác động xã hội được thực hiện để xác định những bên liên quan chính và thiết lập một khung phù hợp cho sự tham gia của họ vào việc lựa chọn, thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện các hoạt động phát triển rừng cũng như kinh doanh rừng trên địa bàn có rừng và đất rừng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn. Việc đánh giá tác động xã hội cũng nhằm đảm bảo rằng các mục tiêu và động lực cho sự thay đổi mang tính xã hội được chấp nhận bởi đa số người dân, là những người dự kiến sẽ được hưởng lợi từ việc kinh doanh rừng của công ty; đồng thời xác định những rủi ro có thể xảy ra. Các khía cạnh của việc đánh giá tác động xã hội bao gồm:

- Các tác động tiêu cực và các khuyến nghị khắc phục các tiêu cực tiềm tàng được tạo ra do bởi các hoạt động kinh doanh rừng;

- Các tác động xã hội của hoạt động quản lý rừng của Công ty lên cuộc sống của dân địa phương trong khu vực Công ty theo các nguyên tắc của VFCS:

* Nguyên tắc 2: Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương.

* Nguyên tắc 3: Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

Các khía cạnh này được đánh giá nhằm hướng đến mục đích của việc quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng là góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương sống gần rừng, hạn chế những tác động tiêu cực của người dân vào rừng, giải quyết hài hoà các mối quan hệ giữa kinh doanh rừng với lợi ích kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện quản lý rừng bền vững cũng như các tiêu chuẩn VFCS.

1. 2. Mục đích của đánh giá

Mục đích của việc đánh giá tác động xã hội này (SIA) trước hết là kiểm tra các tác động tiềm năng của các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn - tác động tích cực và tiêu cực - trên cơ sở các hoạt động lâm nghiệp của công ty. Đồng thời, tìm ra các biện pháp giải quyết các tác động bất lợi tiềm năng và đề xuất các hoạt động phát triển cộng đồng có liên quan đến các mục tiêu phát triển và quản lý rừng bền vững. Trong báo cáo đánh giá tác động xã hội này tập trung khảo sát và đánh giá những vấn đề liên quan tới các mục tiêu sau đây:

- Thu thập các số liệu về kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư sinh sống bên trong và xung quanh các khu vực rừng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn., bao gồm dân số, loại hình dân tộc, trình độ học vấn, mức sống.

- Xác định tình hình sử dụng nguồn tài nguyên của người dân trong khu vực, đánh giá các cơ hội sinh kế của cộng đồng địa phương trong bối cảnh Công ty thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững.

- Đánh giá tác động xã hội của các hoạt động quản lý kinh doanh rừng của Công ty đối với cuộc sống của người dân sinh sống xung quanh trên cơ sở tham khảo các nguyên tắc 2,3 của VFCS.

1. 3. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động xã hội

Luật Đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013;

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Tiêu chuẩn của VFCS, Nguyên tắc 2. Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương và Nguyên tắc 3. Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

1. 4. Nội dung và phương pháp đánh giá

* Nội dung đánh giá:

- Thu thập và phân tích các số liệu về nhân chủng học về dân số, dân tộc sinh sống trong và kề bên Công ty, cụ thể là số xã, hộ gia đình, phát triển dân số, tình hình dân di cư, tổng dân số trong khu vực, các loại dân tộc thiểu số, dân bản địa.

- Thu thập và phân tích thông tin về việc làm, lao động dư thừa trong sản xuất nông nghiệp, các hoạt động phi lâm nghiệp, các cơ hội việc làm, thu nhập, các nguồn thu nhập cho dân địa phương trong khu vực, chi phí cho cuộc sống hàng ngày của dân địa phương, cơ hội tiếp cận với các trợ giúp về tài chính, tín dụng; tình hình cuộc sống của dân cư trong khu vực liền kề Công ty, đặc biệt là mức sống, cơ sở hạ tầng (đường xá, phương tiện đi lại, hệ thống điện, phương tiện truyền thông, nước sạch, vệ sinh, sức khỏe, khả năng tiếp cận của họ đến bệnh viện, trường học, giáo dục).

- Thu thập và phân tích thông tin về các hoạt động lâm nghiệp và phi lâm nghiệp của Công ty để phân tích những mặt tích cực và tiêu cực của các hoạt động này trên các địa bàn khác nhau.

- Thu thập và phân tích thông tin và đánh giá các tác động xã hội của hoạt động quản lý rừng của Công ty lên cuộc sống của dân địa phương trong khu vực Công ty theo các nguyên tắc của VFCS. Nguyên tắc 2. Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương và Nguyên tắc 3. Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

* Phương pháp đánh giá:

Lựa chọn địa điểm điều tra:

Bảng 01. Các địa điểm được lựa chọn đánh giá tác động xã hội

TT	Địa điểm	Phạm vi hành chính	Diện tích rừng (ha)
I	KV rừng tự nhiên		10.100,58
1	Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định	4.525,54
2	Vĩnh Hảo	Xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định	5.575,34
II	KV rừng trồng		1.291,53
1	Đak Mang	Xã Đak Mang, huyện Hoài Ân, Bình Định	545,8
2	Bok Tới	Xã Bok Tới, huyện Hoài Ân, Bình Định	79,6
3	Bình Tân	Xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, Bình Định	211,73
4	Bình Thuận	Xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, Bình Định	258,30
5	Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định	113,80
6	Tây Thuận	Xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, Bình Định	82,3
			11.392,11

Nguồn: Công ty Sông Kôn, 2022.

Việc lựa chọn địa điểm điều tra dựa trên các tiêu chí của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn. Các tiêu chí được đưa ra như (i) Những khu vực có diện tích rừng lớn, có chiến lược kinh doanh rừng lâu dài, (ii) Ít nhiều có tác động về mặt xã hội đến diện tích rừng đang kinh doanh, (iii) Việc kinh doanh rừng của Công ty có ảnh hưởng đến người dân. (iv) Quyền lợi của người lao động công ty, người lao động thời vụ, người nhận khoán QLBR. Từ những tiêu chí trên, Công ty đã xác định các khu vực cần tiến hành đánh giá bao gồm các địa điểm có rừng thuộc Công ty lâm nghiệp Sông Kôn như sau:

Như vậy, địa điểm đánh giá được phân bố trên địa giới của 6 xã thuộc ba huyện khác nhau của tỉnh Bình Định. Diện tích rừng trồng được đánh giá chiếm 90% tổng diện tích rừng trồng đang quy hoạch cho chứng chỉ VFCS hiện có.

Phương pháp thu thập thông tin và phân tích thông tin:

Trong đánh giá tác động xã hội của việc trồng rừng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, phương pháp đánh giá tác động xã hội được thực hiện chủ yếu dựa trên các điều tra, đánh giá mang tính định tính sau đây:

(i) *Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp*: Việc phân tích tài liệu liên quan đến việc đánh giá tác động xã hội sẽ cung cấp các thông tin cơ sở cho việc đánh giá những tác động xã hội của việc kinh doanh rừng có những thay đổi diễn ra đối với các cộng đồng địa phương như thế nào. Thêm vào đó, nó cũng giúp xác định những dữ liệu cần phải được thu thập và đánh giá đúng những trọng tâm cần đánh giá. Đồng thời, từ những dữ liệu lưu lại, so sánh với những đòi hỏi về dữ liệu làm minh chứng theo yêu cầu của chứng chỉ VFCS để bổ sung cho đầy đủ.

(ii) *Phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm*: nhằm thu thập các thông tin chung, các quan điểm về một vấn đề cụ thể hoặc làm sáng tỏ một vấn đề từ một nhóm nhỏ những người được lựa chọn đại diện cho các quan điểm khác nhau và những người bị ảnh hưởng khác nhau (người nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị ảnh hưởng nặng,...). Thảo luận nhóm là một phương pháp tốt để thu thập các ý kiến trái ngược nhau, các vấn đề chung của cộng đồng, của địa điểm đánh giá được phát hiện trong phỏng vấn sâu. Phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện cho cả ba nhóm đối tượng gồm: (1) cán bộ lãnh đạo của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn như Ban Giám đốc, cán bộ phụ trách các phòng nghiệp vụ; (2) cán bộ phụ trách và nhân viên các Trạm QLBR; (3) Đại diện các cơ quan chính quyền địa phương và (4) các hộ gia đình sống trong và ven các khu vực điều tra. Phương pháp thảo luận nhóm chỉ được thực hiện tại các khu vực/cộng đồng mà ở đó thông tin thu thập trong phỏng vấn sâu có sự sai biệt. Các đối tượng được chọn phỏng vấn sâu và tham gia thảo luận nhóm là người lao động được chọn một cách ngẫu nhiên.

(iii) *Phương pháp quan sát trực tiếp*: phương pháp này giúp thu được các thông tin trực quan, mang tính kiểm chứng cho các dữ liệu đã thu thập được, đồng thời làm sáng tỏ hơn về bối cảnh mà các thông tin/dữ liệu được thu thập trong phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm để mô tả kết quả được cụ thể hơn và tin cậy hơn.

Công cụ thu thập thông tin:

Công cụ được dùng để thu thập thông tin chủ yếu được áp dụng thông qua việc phỏng vấn cấu trúc và bán cấu trúc. Việc phỏng vấn cấu trúc chủ yếu được thực hiện trong việc điều tra các hộ gia đình sống trong và ven các khu vực được đánh giá bằng bảng câu hỏi điều tra hộ gia đình (xem phụ lục 1). Việc phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện chủ yếu trong việc phỏng vấn các cán bộ, nhân viên trong Công ty. Nội dung của việc phỏng vấn bán cấu trúc tập trung vào các nội dung như lịch sử kinh doanh rừng, các hoạt động thường niên, những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh rừng,... Bên cạnh đó, việc quan sát, chụp ảnh và ghi nhận lại thực tế điều tra theo các nội dung cần đánh giá cũng được thực hiện song song với quá trình phỏng vấn.

Cuối cùng, các công cụ được dùng trong thảo luận nhóm như xác định các vấn đề để người tham gia xác định các nguyên nhân và các giải pháp để giải quyết vấn đề. Các chủ đề đã được tập trung thảo luận như (i) cơ sở hạ tầng nông thôn tại các địa phương được khảo sát, (ii) những tác động việc trồng rừng của Công ty ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống và khả năng thích ứng của người dân, (iii) tình trạng sử dụng đất và sử dụng tài nguyên rừng của người dân, (iv) Sự chia sẻ lợi ích với người dân của công ty, (v) nhận thức của cộng đồng lợi ích lâu dài của việc trồng rừng và (vi) các tác động tích cực và tiêu cực tiềm tàng của các hoạt động kinh doanh rừng của Công ty đến người dân và các biện pháp giảm thiểu.

1. 5. Phạm vi đánh giá

Đánh giá tác động xã hội tập trung vào các đơn vị, ban ngành liên quan có các hoạt động làm ảnh hưởng/có tác động tới các khu vực rừng do Công ty quản lý. Tiếp theo đó là nhóm cộng đồng/người dân sống trong hoặc liền kề các khu vực rừng trồng của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn dự kiến sẽ đưa vào phạm vi chứng chỉ rừng.

1. 6. Nhóm đánh giá và thời gian đánh giá

Nhóm đánh giá gồm các thành viên như sau:

Bảng 02: Danh sách các thành viên chính trong nhóm đánh giá

STT	Thành viên	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo
1	Nguyễn Ngọc Dân	Kỹ sư	Lâm nghiệp
2	Lại Thị Nhung	Kỹ sư	Lâm nghiệp
3	Nguyễn Đăng Quang	Kỹ sư	Lâm nghiệp
4	Trần Hữu Chiến	Cử nhân	Kinh tế

Thời gian đánh giá được tiến hành từ ngày 20-30/09/2023. Đoàn đánh giá tiến hành xem xét tài liệu sẵn có, trao hợp với cán bộ chủ chốt Công ty. Đi hiện trường đánh giá nhanh ngoài hiện trường, làm việc các cơ sở tổ đội. Phỏng vấn cán bộ bảo vệ rừng, cán bộ kỹ thuật, nhà thầu khai thác, trồng rừng và tham vấn các bên liên quan và người dân địa phương.

2. Giới thiệu hiện trường đánh giá

2.1. Tình hình chung về diện tích rừng trồng các khu vực đánh giá

- Diện tích rừng tự nhiên: Diện tích rừng tự nhiên 10.351,56 ha. Trong đó:
 - + Diện tích rừng tự nhiên giao khoán cho các cộng đồng dân cư xã Vĩnh Sơn quản lý bảo vệ là 2.630,65 ha:
 - + Diện tích Công ty tự tổ chức lực lượng quản lý bảo vệ được nhà nước hỗ trợ kinh phí và tiền dịch vụ môi trường rừng: 7.720,91 ha.
- Diện tích rừng trồng: Diện tích quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn là 1.291,53 ha phân bố trên địa bàn 6 xã của 3 huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân của tỉnh Bình Định.

Bảng 03: Diện tích rừng cần đánh giá tác động xã hội chia theo đơn vị quản lý

TT	Đơn vị quản lý	Địa điểm	Diện tích rừng (ha)	
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1	Trạm QLVR Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	2.712,28	
2	Trạm QLVR Suối Cát	Xã Vĩnh Sơn	1.811,15	
3	Trạm QLVR Lò Than	Xã Vĩnh Hảo	5.559,99	
4	Trạm QLVR nước pon	Xã Vĩnh Thuận	155,15	
5	Trạm QLVR Hà Nhe	Xã Vĩnh Hòa, xã Tây Thuận		196,10
6	Trạm NC&SX LN Bình Tân	Xã Bình Tân, xã Bình Thuận		470,03
7	Đội III – Hoài Ân	Xã Đak Mang, xã Bok Tới	112,99	625,40
			10.351,56	1.291,53

Toàn bộ diện tích rừng trồng là **1.291,53 ha**, Công ty tự tổ chức quản lý bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh hại, không giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng rừng, năng suất đạt bình quân 120 tấn/ha/7 năm; bình quân 17 tấn/ha/năm, sản lượng gỗ đạt bằng 80% trữ lượng; trong đó 40% cho gỗ lớn và 60% cho gỗ nhỏ.

Xúc tiến xây dựng cấp chứng chỉ rừng trồng VFCS để nâng cao giá trị và hiệu quả rừng trồng đủ sức cạnh tranh với thị trường trong nước và nước ngoài. Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất lâm nghiệp từ trồng rừng đến khai thác, chế biến và xuất khẩu.

2.2. Vị trí địa lý và địa hình của các khu vực được đánh giá

Đối với đất đai của Công ty quản lý thuộc huyện Vĩnh Thạnh: Nhìn chung, địa hình tự nhiên thấp dần từ Tây sang Đông, địa hình bị chia cắt mạnh bởi các khe suối. Độ dốc trung bình 15⁰, cục bộ có nơi trên 35⁰. Độ cao cao nhất 800m, độ cao thấp nhất 50m.

Khu vực Công ty quản lý thuộc huyện Tây Sơn: Địa hình bị chia cắt bởi các khe suối. Độ dốc trung bình 18^0 , cục bộ có nơi trên 25^0 ; độ cao cao nhất 220m, độ cao thấp nhất 30m.

Khu vực Công ty quản lý thuộc huyện Hoài Ân: Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các khe suối. Độ dốc trung bình 19^0 , cục bộ có nơi trên 35^0 . Độ cao cao nhất 750m, độ cao thấp nhất 300m.

Chi tiết vị trí địa lý các khu vực cần đánh giá xem phần phụ lục 04.

2. 3. Đặc điểm về kinh tế xã hội

2. 3. 1. Dân sinh

Về dân số:

Dân số tại các khu vực tiến hành đánh giá tác động xã hội được tổng hợp theo số liệu thống kê về dân số và mật độ được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 04: Dân số và mật độ dân số

TT	Địa điểm			Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
	Xã	Huyện	Tỉnh			
1	Vĩnh Sơn	Vĩnh Thạnh	Bình Định	168.65	3.612	21
2	Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	Bình Định	155,36	3.093	20
3	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Bình Định	29.33	2.226	76
4	Bình Tân	Tây Sơn	Bình Định	110.5	5.916	68
5	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	41.5	8.670	208
6	Đak Mang	Hoài Ân	Bình Định	125.27	1.387	11
7	Bok Tới	Hoài Ân	Bình Định	104.96	1.798	17
8	Vĩnh Thuận	Vĩnh Thạnh	Bình Định	53.12	1.728	32
	Tổng					

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã năm 2022

Số liệu thống kê ở Bảng 04 cho thấy, trong năm xã thực hiện đánh giá tác động thì mật độ dân số ở các xã không đều nhau. Mật độ dân số ở xã cao nhất là xã Bình Thuận (208 người/km²), cao gấp 19 lần so với xã có mật độ dân số thấp nhất là xã Đak Mang (11 người/km²). Điều này cho thấy sự phân bố dân số không đều nhau ở các địa điểm đánh giá tác động về mặt xã hội.

Về lao động:

Lực lượng lao động ở các xã khác nhau được đánh giá tác động xã hội được thống kê về số hộ gia đình và lực lượng lao động được tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 05: Số hộ gia đình và số lao động ở các xã cần đánh giá tác động xã hội

TT	Xã	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu			Lao động (%)
			Tổng số (người)	Tỉ lệ Nam (%)	Tỉ lệ Nữ (%)	
1	Vĩnh Sơn	970	3.612	49.32	50.68	57.00
2	Vĩnh Hảo	898	3.093	49.32	50.68	57.00
3	Vĩnh Hòa	648	2.255	48,78	51,22	57.00
4	Bình Tân	1.932	5.916	49.35	50.65	69.00
5	Bình Thuận	2.328	8.733	49.20	50.80	68.60
6	Đak Mang	401	1.387	49.50	50.50	60.30
7	Bok Tới	481	1798	49.70	50.30	60.00
8	Vĩnh Thuận	469	1.728	49,4	50,6	57.00
	Tổng					

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu tại các xã, 2022

Lực lượng lao động các xã đánh giá chiếm trên 50% dân số và dao động từ 57- 69%. Điều này cho thấy lực lượng lao động tại đây rất dồi dào. Tỷ lệ nam thấp hơn nữ ở tất cả các xã, điều này thể hiện ở hai khía cạnh trẻ sinh nam nhiều hơn nữ, nữ sống thọ hơn nam. Tuy nhiên, nguồn lực lao động ở đây làm rất nhiều ngành nghề, thanh niên ít tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp mà đi vào thành phố làm việc, lao động lâm nghiệp thiếu.

Về dân tộc:

Thành phần dân tộc ở các xã được đánh giá tác động xã hội là ít. Trong 7 xã có hai xã Bình Tân, Bình Thuận chủ yếu là người Kinh. 5 xã còn lại có 02 dân tộc Kinh và Bana là chủ yếu, thống kê chi tiết về số lượng và tỉ lệ phần trăm so với dân số 5 xã theo bảng sau:

Bảng 06: Dân tộc ở các xã được đánh giá tác động xã hội

TT	Dân tộc	Xã Vĩnh Hòa		Xã Vĩnh Sơn		Xã Bok Tới		Xã Đak Mang		Xã Vĩnh Hảo		Xã Bình Tân		Xã Vĩnh Thuận	
		Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)	Số người	Tỉ lệ (%)
1	Kinh	1.453	64	380	13	54	3	42	0,3	2.701	87	5.784	98,0	58	3
2	Bana	802	36	2.473	87	1.744	97	1.345	97	392	13	132	2,0	1.670	97
	Tổng	2.255		2.853		1.798		1.387		3.093		5.916		1.728	

Nguồn: Thu thập từ các báo của Ủy ban nhân các xã năm 2022

Thành phần dân tộc đối với xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Thuận, xã Đak Mang, xã Bok Tới chủ yếu là người Bana, chiếm trên 85 %. Người Kinh họ đa phần là những người dân bản xứ và một phần nhập cư đến địa phương từ khắp nơi trên cả nước, sống tại các khu vực thấp, nơi có địa hình tương đối bằng phẳng và tiện canh tác lúa nước. Người Bana là dân bản địa, và một số ít thành phần dân tộc khác như Hre, Thái, Mường mới tới định cư qua việc lập gia đình với người bản xứ, tỷ lệ này rất ít.

Phong tục tập quán:

Phong tục tập quán của các dân tộc tại các khu vực điều tra chỉ được tập trung phân tích ở các nhóm dân tộc có số lượng dân số nhiều, đó là Kinh và Bana. Phong tục tập quán ở các địa phương được đánh giá tác động xã hội phụ thuộc vào thành phần dân tộc chiếm số đông.

Người Kinh:

Đặc điểm kinh tế: Người Kinh có tập quán trồng lúa nước, cây lương thực và chăn nuôi. Họ thường lựa chọn những vùng đất bằng phẳng và tiện thủy lợi cho việc thực hiện tập quán này. Người kinh thu nhập bình quân đầu người cao hơn rất nhiều so với người Bana (Người Kinh ở Bình Tân 50,2 tr/người/năm; Người Bana ở Vĩnh Thuận 18,6 tr/người/năm)

Tín ngưỡng: Tín ngưỡng của người Kinh chủ yếu là theo đạo phật, một lượng ít thờ ông bà, theo thiên chúa giáo. Những người Kinh trong khu vực này không có sự thay đổi nhiều về tín ngưỡng.

Đời sống văn hoá: Người Kinh có đời sống văn hóa đơn giản, theo các lễ hội được quy định chung của nhà nước như Tết, lễ 2/9. Bên cạnh đó, ở đây còn có lễ Đoan Ngọ và lễ Giáng sinh cũng đã được hầu hết những người theo đạo thiên chúa giáo mà cả những người Kinh theo đạo khác cũng ảnh hưởng theo, nhất là trong giới trẻ.

Người Bana:

Đặc điểm kinh tế: làm rẫy, làm ruộng nước, chăn nuôi gia súc. Ngày nay, người Bana cũng đã chuyển sang trồng khoai mì, bắp, đậu và cả các cây ăn quả, cây lâm nghiệp. Với kỹ thuật canh tác vẫn còn lạc hậu, kinh tế của người Bana còn chậm phát triển và chiếm tỷ lệ đói nghèo cao (Vĩnh Sơn 59,79%, Vĩnh Thuận 53,91%, ĐăkMang tỷ lệ đói nghèo 31,42%, Bok tới 28,8%)

Tín ngưỡng: Phần lớn người Bana thờ đa thần. Họ rất tin vào các thần linh, đời sống tín ngưỡng của họ phụ thuộc nhiều vào rừng.

Đời sống văn hoá: Bana yêu thích âm nhạc, nhạc cụ thường thấy nhất là bộ chiêng. Chiêng dùng trong hội lễ, cả trong bộc lộ tình cảm, hòa giải xích mích giữa các gia đình.

2. 3. 2. Kinh tế - xã hội

- Cơ sở hạ tầng:

Hệ thống đường giao thông tại các địa bàn Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh rừng trồng, quản lý bảo vệ rừng được xây dựng theo các

chương trình trọng điểm quốc gia về xóa đói giảm nghèo (30A, 135..), là đường nông thôn, đường liên xóm với phần lớn được bê tông hóa do địa phương quản lý. Ngoài ra, có các đường tỉnh lộ ngang qua các địa phương nhưng có chiều dài không nhiều. Tình trạng giao thông ở các địa điểm đánh giá tác động xã hội được đánh giá từ mức trung bình đến tốt.

Dù vậy, đường dân sinh đi vào các khu vực dân cư gần với diện tích rừng và đất rừng gần của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn thì hầu hết hệ thống đường giao thông là đường cấp phối, sỏi đỏ. Tình trạng của những đường cấp phối này đang trong tình trạng trung bình, kém. Chất lượng đường bị xuống cấp vào mùa mưa và sau mùa khai thác gỗ, ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh hàng ngày.

Các loại hình sản xuất và dịch vụ:

Các loại hình sản xuất và dịch vụ ở các khu vực đánh giá tác động bao gồm sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, chăn nuôi và dịch vụ. Cụ thể:

Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp:

Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tại các xã có sự khác nhau. Trong các xã đã thống kê được:

- *Về trồng trọt:* Diện tích, năng suất và sản lượng một số loài cây chính tại các điểm được đánh giá là có sự khác biệt, cơ cấu cây trồng cũng khác nhau tại các địa hình và loại đất phù hợp bởi các loài cây khác nhau. Cây lâm nghiệp với 03 loài chính là Keo, Bạch đàn và Bời lời, song chủ yếu là Keo. Cây nông nghiệp chủ yếu là lúa và mì với diện tích vượt trội so với các loài cây trồng khác. Cây ăn quả, cây công nghiệp cây Điều, cây Mắc ca. Diện tích và cơ cấu cây trồng được thể hiện ở bảng 07:

Bảng 07: Diện tích và sản lượng một số loại cây trồng chính

		Xã Vĩnh Sơn		Xã Vĩnh Hảo		Xã Vĩnh Hòa		Xã Bình Tân		Xã Bình Thuận		Xã Đak Mang		Xã Bok Tới		Xã Vĩnh Thuận	
TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	DT Cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)	Diện tích (ha)	DT cho SP (ha)
Cây công nghiệp																	
1	Mắc ca	59	59														
2	Điều			152	152												
Cây ăn quả																	
1	Cam/ quýt																
2	Bưởi	1,1	1,1														
3	Xoài																
4	Chuối	6	6														
5	Cây khác																
Cây nông nghiệp		839.00	729.00									85.00	-	127.00	-	1.208	
12	Lúa	348,4	348,4	98	98	164	164	540	540	444,5	444,5	135	135	135	135	32,4	32,4
13	Ngô	10	10	16	16	26	26	66,6	66,6	143,6	143,6					369	
14	Mì/sắn	500	500	21	21	8	8	73,5	73,5	36	36					595	42,3
15	Đậu phộng			16	16	27	27	378,6	378,6	818	818					138	2,5
16	Cây khác	183.00	183.00	86	86	105	105	312,7	312,7	167,9	167,9	14.00					620,65
Cây lâm nghiệp																	
17	Keo	502,8	502,8	172,9	172,9	348	348	2.338,42	2.338,42	1.109	1.109	150	150	150	150	103,4	103,4
18	Bạch đàn	3,24	3,24	35,3	35,3	102	102									32	32
19	Bời lời	298,1	298,1														

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu năm 2022

- *Về chăn nuôi*: Vật nuôi tại các địa phương được đánh giá tác động xã hội được thống kê gồm có trâu, bò, heo, dê và các loài gia cầm.

Số lượng vật nuôi ở các xã có sự khác nhau, lượng gia súc tập trung chủ yếu tại các xã Bình Thuận và Vĩnh Sơn và ít hơn là các xã Vĩnh Hảo và Bok Tới. Tuy nhiên, số lượng vật nuôi có mang tính xã hội và tác động đến việc trồng rừng nhiều là trâu/bò, heo và gia cầm thì không thể hiện được nhiều nếu chỉ phân tích một cách độc lập mà còn phải kết hợp với tập quán chăn nuôi của các dân tộc tại các địa phương đó. Trâu/bò được nuôi bởi những nhóm người dân bản địa thường hay thả rông ảnh hưởng đến rừng trồng cũng như áp lực về khu chăn thả. Riêng hai xã Đăk Mang và Bok Tới người Bana chiếm đại đa số với phong tục thả rông gia súc với số lượng lớn vẫn đang là vấn đề cần được giải quyết cho việc cân đối hài hòa giữa lợi ích trồng rừng của Công ty với việc phát triển sinh kế của người dân.

- *Nuôi trồng, đánh bắt thủy sản*: Diện tích Công ty đưa dự kiến đưa vào xin cấp chứng chỉ rừng nằm tập trung thành từng khu vực các xã do đặc thù địa hình khu vực quản lý tương đối bằng phẳng nên hầu như không có diện tích ao, hồ, sông mà chỉ có các suối cạn nước vào mùa khô, ngập nước vào mùa mưa, các suối chủ yếu nằm trên đất canh tác của người dân, các suối này chảy tự nhiên không sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

- *Sản xuất lâm nghiệp*: Xung quanh khu vực đất Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn có các hoạt động trồng rừng, mỗi nhà trung bình có rừng bình quân 2 -3 ha. Xã Vĩnh Sơn người dân có hoạt động nhận khoán quản lý bảo vệ rừng tự nhiên với công ty. Các xã còn lại người dân tận dụng thời gian rảnh tham gia các hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng theo mùa vụ của Công ty lâm nghiệp Sông Côn để có việc làm và thu nhập thêm. Tuy nhiên, theo kế hoạch kinh doanh của Công ty thì các công việc này đang chuyển sang các gói thầu nên đang dần tạo ra khó khăn cho người dân bản địa tham gia, vì các chủ thầu cần lượng công ổn định để chủ động thực hiện theo tiến độ, lấy nhân công ở nhiều địa phương khác tới.

- *Dịch vụ, thương mại*: Dịch vụ và thương mại ở các khu vực được đánh giá tác động xã hội chủ yếu là các hoạt động dịch vụ vận tải, cửa hàng buôn bán kinh doanh các mặt hàng chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân trong vùng, sản phẩm nông lâm nghiệp bán cho các thương lái. Nhìn chung, dịch vụ và thương mại ở đây chưa đóng góp như là một trong những nguồn thu nhập chính cho đa số các hộ gia đình trong khu vực.

Tình hình đời sống của người dân:

Thu nhập bình quân trên đầu người có sự chênh lệch giữa các khu vực với nhau, cao nhất là xã Bình Tân với 50,2 triệu đồng/người/năm và thấp nhất là xã Vĩnh Thuận là 18,6 triệu đồng/người/năm. Số hộ sử dụng điện đạt 100%, điện cung cấp đủ quanh năm. Số hộ nghèo theo chuẩn mới (2022) chiếm từ 1%-59,8%; Xã có số hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất là xã Vĩnh Sơn chiếm tỷ lệ 59,8%; xã có số

hộ nghèo thấp nhất là xã Bình Tân chiếm tỷ lệ 1,0%. Như vậy, nhìn chung thu nhập của người dân ở các xã nằm ở mức nghèo đến trung bình theo tiêu chuẩn quốc gia.

Bên cạnh đó, giáo dục cũng được quan tâm. Theo thống kê trong năm 2021-2022, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 95%, số trẻ ở tuổi đến trường được và đi học đạt 100%, trong đó trẻ trong độ tuổi vào lớp một đạt 100%. Việc hỗ trợ tiền, sách vở, dụng cụ học tập, quỹ khen thưởng cũng đã được thực hiện ở hầu hết các địa phương.

Về y tế: Các xã đều có Trung tâm Y tế xã. Song song với công tác sản xuất, giáo dục thì công tác chăm sóc sức khỏe, dân số luôn được các xã ưu tiên. Các chương trình y tế quốc gia như tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng chống lao, chương trình thiếu hụt iốt, chương trình mắt, phòng chống sốt rét, vệ sinh an toàn thực phẩm... được các xã triển khai đầy đủ. Hàng năm, Trạm Y tế tại các xã tổ chức khám và chữa bệnh cho hàng ngàn người dân trong vùng.

Bảng 08: Tình hình đời sống của người dân trong các xã đánh giá tác động xã hội

Hạng mục	ĐVT	Số liệu thống kê theo các xã							
		Xã Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Hảo	Xã Đak Mang	Xã Bok Tới	Xã Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Thuận	Xã Bình Tân	Xã Bình Thuận
Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	21,6	48,5	28	26	22,8	18,6	50,2	48,49
Số hộ sử dụng điện	%	100	100	100	100	100	100	100	100
Số hộ dùng điện lưới	%	100	100	100	100	100	100	100	100
Số hộ nghèo năm 2022	%	59,79	11,0	31,42	28,8	13,61	53,91	1,0	2,9
Kết thúc năm học 2021-2022	%								
Tỷ lệ học sinh lên lớp	%	100	99	100	100	100	100	98,8	100
Số trẻ ở độ tuổi đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	100
Số trẻ trong độ tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100	100	100	100
Chăm sóc y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	100
Cơ sở y tế (Trạm y tế)	cơ sở	1	1	1	1	1	1	1	1

Nguồn: Nguồn: Tổng hợp dữ liệu, 2022

2. 4. Rừng và đất rừng của Công ty trong việc đề xuất cấp chứng chỉ rừng

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc trồng rừng sản xuất và quản lý rừng bền vững Công ty đã thực hiện trồng rừng, quản lý rừng theo Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong quá trình sản xuất Công ty tuân thủ theo 7 nguyên tắc VFCS/PEFC. Diện tích Công ty đăng ký cấp chứng chỉ 1.291,53 ha. Cụ thể như sau:

1. Tổng hợp diện tích rừng trồng sản xuất đăng ký cấp chứng chỉ

TT	Địa điểm/Loại rừng	Loài cây	Tổng diện tích (ha)
	Rừng trồng		1.291,53
1	Khu vực Vĩnh Hòa	Keo lai, Bạch đàn	113,80
2	Khu vực Tây Thuận	Keo lai	82,30
3	Khu vực Bình Tân	Keo lai	211,73
4	Khu vực Bình Thuận	Keo lai	258,30
5	Khu vực Đắc Mang	Keo lai	545,80
6	Khu vực Bok Tới	Keo lai	79,60

3. Đánh giá ban đầu

3. 1. Xác định các bên liên quan và vai trò của các bên

Liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, các bên liên quan được xác định chia làm ba nhóm chính. Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và ban lãnh đạo công ty. Nhóm thứ hai là các tổ chức dân sự xã hội. Nhóm thứ ba là nhóm phối hợp thực hiện, bao gồm các đơn vị trong Công ty (phân trường), UBND các xã, các hạt/trạm kiểm lâm trên địa bàn. Các bên liên quan trong các nhóm này có vai trò khác nhau trong việc đánh giá các tác động xã hội do các hoạt động lâm nghiệp của Công ty gây ra, được xác định gồm các bên liên quan chính như sau:

(1) Các cơ quan quản lý

Ban quản lý Công ty phối hợp trực tiếp với UBND tỉnh Bình Định, các sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, sở Tài Chính, sở Tài Nguyên Môi trường, sở Lao động Thương binh Xã hội của tỉnh Bình Định và UBND các huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân tỉnh Bình Định để nắm bắt các chủ trương chính sách để chỉ đạo trực tiếp đến các phòng ban trực tiếp trong Công ty xây dựng các kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm. Đồng thời, tranh thủ được sự chỉ đạo kịp thời của UBND cấp tỉnh và cấp huyện trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp lớn (nếu có) được chặt chẽ và đồng bộ từ cấp tỉnh xuống các địa phương.

(2) Các tổ chức xã hội tại địa phương

Các tổ chức chính trị - xã hội, như: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp... là những hội có lực lượng hội viên đông đảo và cơ cấu đến thôn xóm. Các tổ chức xã hội là người giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp trong công ty. Các tổ chức hội, đoàn thể ở cộng đồng là nơi nắm bắt các vấn đề và phản hồi của người dân liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp của công ty. Đồng thời, các tổ chức hội này phối hợp với các tổ dân phố tại cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc giám sát các hoạt động lâm nghiệp của Công ty từ thực tiễn để phản ánh lại với phía Công ty để họ kịp thời điều chỉnh thiết kế, hoạt động hiện trường phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động không mong muốn tới đời sống của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng.

Các thôn/ấp, xóm là cấp làm việc trực tiếp với người dân, phản ánh những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của Công ty từ cán bộ, công nhân của Công ty hoặc bên thứ ba khác. Thôn/ấp, xóm sẽ là nơi cuối cùng triển khai các hoạt động cung cấp thông tin của Công ty tới người dân và là nơi đầu tiên tiếp nhận các thông tin phản hồi của người dân liên quan đến các hoạt động của công ty. Vai trò của cán bộ thôn/ xóm rất quan trọng, mang tính khách quan và kịp thời khi phản ánh những nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của người dân đối với việc giám sát quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của Công ty nhằm giảm thiểu những tác động không mong muốn tới đời sống của người dân. Ngoài ra, các ý kiến phản ánh từ cán bộ thôn, xóm còn giúp cho việc xây dựng các hạng mục của các hoạt động hay các gói thầu phù hợp hơn, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội hơn đối với cộng đồng dân cư trong khu vực hưởng lợi trực tiếp các hoạt động lâm nghiệp của công ty.

(3) Nhóm phối hợp thực hiện

Vai trò của nhóm phối hợp thực hiện đứng đầu là các đơn vị trong Công ty (Trạm, Đội QLBR) chủ động thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin, báo cáo với các cơ quan có chức năng liên quan như Hạt kiểm lâm, kiểm lâm địa bàn, ban quản lý rừng phòng hộ, cán bộ xã trong công tác tuần tra, QLBR và khai thác rừng. Bên cạnh đó mời các bên liên quan tham gia, góp ý các quy định về quản lý bảo vệ rừng của công ty. Đồng thời còn phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã, ban ngành của huyện để thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc, QLBR và khai thác rừng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cán bộ các Trạm, Đội là người đầu tiên, trực tiếp tiếp nhận các thông tin từ nhân dân và các bên liên quan đang phối hợp. Do vậy, cán bộ cấp Trạm, Đội cần thể hiện tính trung thực trong tiếp nhận thông tin, khéo léo trong giao tiếp và mềm dẻo trong thực thi công việc từ cấp trên xuống đến người dân.

Trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty, sự tham gia của các bên liên quan có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trước hết, với sự tham gia góp ý kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch của các phương án kinh doanh dài hạn, các hạng mục gói thầu sẽ góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh phương án, thiết kế, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tăng hiệu

quả kinh tế - xã hội cũng như hiệu quả đầu tư, giảm đến mức tối thiểu các tác động không mong muốn do các hoạt động lâm nghiệp gây ra đối với đời sống của người dân trong cộng đồng, nhất là các tác động về xã hội. Sự phối hợp giữa các bên liên quan không tốt sẽ là tiềm tàng của sự lãng phí nguồn lực, gây chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu chung của công ty, có tác động không tốt về mặt xã hội và hiệu quả đầu tư.

3. 2. Sàng lọc các tác động xã hội

Các tác động xã hội cần đánh giá được sàng lọc từ các hoạt động lâm nghiệp tại các khu vực rừng trồng. Căn cứ theo các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn từ năm 2018 đến năm 2022, các hoạt động trồng rừng bao gồm: (1) Trồng rừng và chăm sóc (2) Giao khoán QL BV rừng, (3) Khai thác rừng trồng (4) Xử lý thực bì trước trồng rừng (5) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ lâm nghiệp. Các hoạt động này đã tạo ra những tích cực về mặt xã hội tại các địa phương. Theo đánh giá tổng kết năm 2022 của công ty, hàng năm, các hoạt động này đã tạo điều kiện cho khoảng từ 450 – 500 lượt lao động mùa vụ cho người dân xung quanh các diện tích rừng của công ty.

4. Đánh giá các tác động đến xã hội từ hoạt động lâm nghiệp và các giải pháp cần thực hiện

Kết quả hoạt động của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn trong 05 năm trở lại đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm qua đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Đời sống của cán bộ công nhân viên được đảm bảo với mức thu nhập bình quân 8 triệu đồng/người/tháng và có những đóng góp đáng kể đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã có lâm phận của Công ty bằng sự hỗ trợ về vật chất cũng như kỹ thuật. Hàng năm, thu hút khoảng 400 -500 lao động địa phương tham gia vào công tác bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng.

4. 1. Trồng rừng và chăm sóc rừng

Trồng rừng và chăm sóc rừng là những hoạt động được thực hiện hàng năm theo quy trình kỹ thuật được xây dựng từ trước. Việc trồng rừng được thực hiện trên những diện tích đã khai thác rừng trồng trước đó. Việc chăm sóc rừng là những công việc như phát dọn thực bì dưới tán rừng và trên những đường lô. Công việc trồng rừng và chăm sóc rừng thường được thực hiện theo các gói thầu được thực hiện bởi người dân địa phương. Thời gian trồng rừng và chăm sóc rừng thường diễn ra vào mùa mưa.

Mặt tích cực: Hoạt động trồng rừng và chăm sóc rừng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra được lượng công việc mang tính thời vụ hàng năm cho những người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do Công ty quản lý.
- Tạo ra nguồn nhiên liệu cho người dân địa phương.
- Tạo cảnh quan mát mẻ, trong lành.

- Tạo ra môi trường cho một số loài động vật sinh sống và các loại lâm sản phụ khác mà người dân có thể khai thác để tăng thêm thu nhập từ rừng.

Mặt tiêu cực:

- Làm thu hẹp diện tích các bãi chăn thả gia súc của người dân địa phương.
- Mùa trồng rừng và chăm sóc rừng rơi vào mùa vụ của nông – công nghiệp cần nhiều lao động, nên có hiện tượng thiếu hụt lao động tạm thời, dẫn đến việc nâng giá ngày công hoặc không ưu tiên cho các hoạt động trồng rừng và chăm sóc rừng.

Những giải pháp khắc phục:

- Ở từng khu vực rừng khác nhau nên có kế hoạch trồng - khai thác luân phiên với một diện tích nhất định theo luân kỳ kinh doanh, đồng thời kết hợp với diện tích đất phụ trợ nhằm tạo ra những không gian chăn thả cho các địa phương, đặc biệt là những địa phương có phong tục chăn thả rừng gia súc như Đak Mang, Bok Tới.

- Hàng năm, Công ty nên lên kế hoạch trồng rừng, chăm sóc rừng trước và thông báo rộng rãi cho người dân trong khu vực để người dân chủ động sắp xếp công việc tham gia các hoạt động lâm nghiệp.

Hình 1. Tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động trồng rừng



Rừng của hộ dân áp dụng kỹ thuật theo công ty



Thiếu nơi chăn thả tại các khu rừng trồng

4.2. Quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng

Hoạt động giao khoán quản lý và bảo vệ rừng được thực hiện một phần diện tích rừng tự nhiên. Đối với rừng trồng Công ty tự quản lý bảo vệ, hàng năm phối hợp người dân địa phương trong công tác phòng cháy chữa cháy. Việc giao khoán Quản lý bảo vệ rừng cho các công đồng dân cư xã Vĩnh Sơn tăng cường đi tuần tra các lô rừng nhằm phát hiện những xâm phạm đến rừng như khai thác gỗ trái phép, phát nương làm rẫy, lấn chiếm đất rừng và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, việc giao khoán nâng cao ý thức người dân bảo vệ rừng, từ hoạt động nhân khoán người dân có thêm thu nhập. Đối với rừng trồng, việc phòng chống cháy rừng thường được chú

trọng vào mùa khô. Những công việc trong phòng chống cháy như đốt trước thảm thực bì dưới tán rừng có kiểm soát; phát quang và đốt trước thực bì ở các đường lô và những nơi có nguy cơ cao về cháy rừng. Những công việc này thường được thực hiện bởi người dân địa phương được thuê theo công nhật hay theo gói thầu.

Mặt tích cực: Hoạt động quản lý và bảo vệ rừng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra được lượng công việc hàng năm cho một nhóm người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do Công ty quản lý.

- Giữ được rừng cũng là giữ được môi trường trong khu vực và tạo điều kiện cho các lâm sản phụ dưới tán rừng phát triển.

- Hạn chế những thiệt hại gây ra do việc phòng chống cháy rừng, từ đó ảnh hưởng đến cây trồng nông - công nghiệp của người dân cận kề diện tích rừng.

- Hầu hết người dân tại các khu vực có rừng của Công ty có ý thức tự giác quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

Mặt tiêu cực:

- Phòng chống cháy rừng bằng việc đốt trước làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các lâm sản phụ dưới tán rừng nên làm ảnh hưởng đến lợi ích của người dân trong khu vực.

- Việc quản lý và bảo vệ, hạn chế việc vào rừng lấy củi, tận dụng gỗ làm nhà, chăn thả gia súc trong rừng, phần nào ảnh hưởng đến lợi ích của người dân sống gần rừng nên gây ra mâu thuẫn giữa người dân địa phương và người làm công tác quản lý rừng.

Những giải pháp khắc phục:

- Cần tuyên truyền cho người dân tại các khu vực hiểu rõ vai trò của việc quản lý và bảo vệ rừng không những cho Công ty mà còn cho cả những hoạt động sinh kế của người dân như rừng chắn gió cho cây hoa màu, cây công nghiệp, giữ nước – tạo nguồn nước ngầm cho sản xuất nông nghiệp để từ đó người dân tích cực hơn trong việc bảo vệ rừng.

- Nên xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ rừng - phòng chống cháy hàng năm, theo mùa và thông báo cho người dân được rõ những hoạt động của Công ty để biết và phối hợp.

Việc quản lý rừng không những tuân thủ theo các quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng mà còn phải vận dụng linh hoạt trong bối cảnh thực tế của từng khu vực, nhất là những khu vực có nhiều người dân bản địa sinh sống để dung hòa với phong tục tập quán của họ.

4. 3. Hoạt động khai thác

Hoạt động khai thác rừng được thực hiện ở những lô rừng đã đến chu kỳ khai thác. Việc khai thác rừng thường được khai thác trắng theo lô. Việc khai thác rừng chỉ lấy ra khỏi rừng phần thân cây gỗ, chừa lại cành nhánh, những cành nhánh này người dân địa phương có thể tận dụng để làm củi đun. Thực hiện

việc khai thác thường theo các gói thầu mà theo đó, người dân địa phương có thể tham gia đấu thầu hoặc tham gia thực hiện.

Mặt tích cực: Hoạt động khai thác rừng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra được lượng công việc hàng năm cho một nhóm người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do Công ty quản lý hoặc các địa phương khác trong tỉnh.

- Tạo ra lượng nguyên liệu củi đốt cho các hộ gia đình sống quanh khu vực có rừng.

- Mở thêm đường dân sinh phục vụ người dân làm nương rẫy và trồng rừng của hộ gia đình.

Mặt tiêu cực:

- Việc khai thác rừng theo hợp đồng đấu thầu do vậy người dân địa phương, nhất là người dân bản địa khó tham gia vì những người chủ đấu thầu được thường sử dụng lao động của họ. Mặt khác người lao động không được trang bị bảo hộ lao động và không có hợp đồng lao động.

- Việc vận chuyển gỗ khai thác đi qua khu dân cư tạo tiếng ồn, bụi ảnh hưởng người dân cư khu vực đường đất, cấp phối.

Những giải pháp khắc phục:

- Trong quy định về đấu thầu khai thác rừng cần quy định về tỷ lệ sử dụng lao động địa phương, trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và có sự giám sát từ phía Công ty và người dân địa phương.

- Khi vận chuyển cần hạn chế những giờ người dân nghỉ ngơi, không tập trung thành đoàn xe.

- Cần chia sẻ lợi ích từ khai thác rừng cho cộng đồng để phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu tại các cộng đồng, từ đó sẽ tạo ra động lực giúp người dân giữ rừng.

Hình 2- Tác động trong hoạt động khai thác gỗ



Sử dụng lao động địa phương khai thác rừng



Vận chuyển gỗ làm hư hại đường giao thông

4. 4. Xử lý thực bì trước trồng rừng

Xử lý thực bì ngay sau khai thác. Biện pháp kỹ thuật là thu gom lại và đốt đối với rừng khai thác trắng. Công việc xử lý thực bì này đều được thực hiện bởi người dân địa phương thông qua các gói thầu.

Mặt tích cực: Hoạt động xử lý thực bì trước trồng rừng có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tương tự như các hoạt động khác, việc xử lý phát dọn thực bì sau khai thác chuẩn bị trồng rừng đã tạo ra được lượng công việc hàng năm cho một nhóm người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do Công ty quản lý hoặc các địa phương khác trong tỉnh.

- Phòng trừ mầm bệnh có hại cho cây trồng, rễ thi công trồng rừng.

Mặt tiêu cực:

- Phá hủy lớp phủ thực bì nên ảnh hưởng đến các loại lâm sản phụ và các động vật khác, làm giảm đi nguồn thu của người dân sống gần với diện tích rừng được khai thác.

- Việc phát dọn thực bì bằng cách đốt không những làm ô nhiễm môi trường do khói bụi. Đồng thời gia tăng việc xói mòn đất, ảnh hưởng đến việc phát triển của rừng trồng sau này cũng như hệ vi sinh vật sau khai thác,

Những giải pháp khắc phục:

- Quy trình phát dọn thực bì nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định về chuyên môn để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

Việc phát dọn thực bì nên hạn chế đến mức tối đa việc đốt mà thay bằng gom thực bì theo băng và ủ mục nhằm làm tăng chất hữu cơ cho đất và tránh xói mòn.

4. 5. Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp

Xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm việc sửa chữa đường lô, đường vận xuất ở những lô rừng chuẩn bị khai thác hoặc chuẩn bị trồng rừng. Công việc này thường được thực hiện luân phiên hàng năm theo các phân trường có khai thác rừng.

Mặt tích cực: Hoạt động xây dựng và tu dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra hạ tầng giao thông trong khu vực được thuận tiện không những cho việc vận xuất - vận chuyển lâm sản mà còn tạo cho việc đi lại, phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân trong khu vực được thuận lợi.

- Góp phần tạo ra mối quan hệ gắn kết giữa Công ty với các cộng đồng xung quanh khu vực có rừng.

- Góp phần phát triển hệ thống giao thông nông thôn ở các địa điểm được đánh giá tác động.

Mặt tiêu cực:

- Việc xây dựng và sửa chữa hệ thống giao thông trong khu vực nếu không có sự phối hợp với chính quyền địa phương và sự đóng góp của người dân trong

khu vực sẽ tạo ra sự ỷ lại vào Công ty và từ đó ý thức giữ gìn hệ thống giao thông của người dân không cao.

- Việc xây dựng và sửa chữa hệ thống giao thông nông thôn chỉ chú trọng cho các hoạt động lâm nghiệp mà không chú ý đến nhu cầu đi lại của người dân đến các khu vực đất sản xuất, khu vực tiếp cận tài nguyên của người dân sẽ nảy sinh mâu thuẫn trong sử dụng hoặc ảnh hưởng đến tính hiệu quả của đường giao thông được xây dựng và sửa chữa.

Cách khắc phục:

- Việc xây dựng hệ thống giao thông trong khu vực cần phối hợp với chính quyền địa phương và sự đóng góp từ phía người dân để tạo được sự đồng thuận và gìn giữ các con đường một cách lâu dài và các bên liên quan đều có trách nhiệm.

- Việc thiết kế hệ thống giao thông không những chú ý đến mục tiêu của lâm nghiệp mà nên chú ý đến các hoạt động dân sinh trong khu vực, họ có thể dùng chung với hệ thống giao thông trong lâm nghiệp. Từ đó, sẽ giảm tác động của người dân đến rừng và tạo ra sự quản lý rừng tốt hơn.

Đánh giá chung:

Các hoạt động lâm nghiệp nói chung của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đã mang lại nhiều tích cực về mặt xã hội cho người dân ở xung quanh các khu vực có rừng. Những ảnh hưởng tích cực dễ nhìn thấy rõ đến sự phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương như tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương sống gần và ven rừng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời tạo ra sự giao thương thông suốt từ những cộng đồng sống gần rừng đến các trung tâm đô thị. Dù vậy, nếu khắc phục các tác động tiêu cực bằng các giải pháp trên thì các mặt tích cực này sẽ nhiều hơn và mang tính lâu dài đối với không những hoạt động của Công ty lâm nghiệp Sông Kôn mà cho cả sự phát triển kinh tế xã hội của các khu vực.

5. Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

Kết quả điều tra cho thấy hàng năm, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đã thực hiện nhiều hoạt động mang tính xã hội tại các địa phương có diện tích rừng của công ty. Các hoạt động được người dân đề cập đến như kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, hỗ trợ giống cây trồng nông lâm nghiệp, hỗ trợ tiền xây dựng nhà tình thương, quỹ khuyến học cho địa phương, quà tết cho các hộ gia đình còn nhiều khó khăn sống ven rừng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn cử người tham gia các lễ hội truyền thống, gìn giữ phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý. Dù vậy, những hoạt động này của Công ty có những mặt tích cực và tiêu cực của nó.

5. 1. Các mặt tích cực của các hoạt động xã hội

Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn và duy trì quỹ phúc lợi tạo ra các tác động tích cực cho các địa phương như:

- Góp phần tạo nên cơ sở hạ tầng đáp ứng cho các nhu cầu của các địa phương cũng như của Công ty. Sửa đường dân sinh trong các khu vực sản xuất lâm nghiệp, hỗ trợ xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng và nhà ở cho các hộ gia đình đặc biệt khó khăn, tham tặng quà các ngày lễ, Tết, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng.

- Thể hiện tinh thần chia sẻ với các hộ gia đình sống ven rừng và tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc trong phạm vi rừng Công ty quản lý. Hàng năm, đại diện Công ty có tham dự các lễ hội của các cộng đồng trong khu vực khi được mời.

Các mặt tích cực này đã được các cơ quan từ cấp tỉnh xuống đến từng người dân đều ghi nhận. Tuy nhiên, người dân cũng chỉ ra những hạn chế cần khắc phục để thực hiện tốt hơn các hoạt động xã hội từ phía Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

5.2. Các mặt còn chưa thực hiện được của các hoạt động xã hội

Mặc dù, các hoạt động xã hội đã tạo ra nhiều mặt tích cực cho xã hội nhưng vẫn còn tồn tại một số khiếm khuyết như sau:

- Chưa chủ động thực hiện các hoạt động này một cách thường xuyên và có kế hoạch.

- Thực hiện các hoạt động này chưa đồng đều giữa các địa phương khác nhau trong phạm vi đất rừng của công ty.

- Chưa chủ động khởi xướng các lễ hội mang tính phong tục của cộng đồng địa phương để họ nhận thấy sự tôn trọng hơn nữa các cộng đồng sống gần rừng để từ đó tạo ra mối quan hệ tốt với người dân.

- Chia sẻ lợi ích từ việc kinh doanh cây rừng với các bên liên quan chưa được đề cập nhằm tạo ra sự gắn kết bền vững giữa các bên liên quan trong việc kinh doanh rừng một cách bền vững.

- Các hoạt động này được thực hiện nhưng chưa có tư liệu hóa nhằm làm minh chứng phục vụ cho các yêu cầu quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, trừ việc tặng quà tết cho các hộ gia đình sống ven rừng của công ty.

5.3. Các giải pháp cần khắc phục

Để khắc phục các vấn đề tồn tại trên, các giải pháp cần thực hiện là:

- Xây dựng kế hoạch cho các hoạt động mang tính xã hội thường xuyên hàng năm với các tiêu chí, chỉ báo rõ ràng và thông báo công khai cho các địa phương và các cộng đồng để họ có sự phấn đấu theo yêu cầu/chỉ báo của công ty.

- Phía Công ty chủ động điều tra xác định những phong tục tập quán có nhiều kiến thức bản địa được sử dụng hướng đến việc bảo vệ và quản lý rừng, các lâm sản ngoài gỗ được tốt hơn và đầu tư xây dựng các phương án phục hồi và phát triển các kiến thức bản địa này. Thông qua đó, sẽ tạo sự gắn kết, thân thiện với các cộng đồng hơn.

- Cần ghi chép lại các hoạt động mang tính xã hội thành các văn bản để lưu giữ ở các cộng đồng, Công ty để làm minh chứng theo các yêu cầu của VFCS.

- Về lâu dài, Công ty cần xây dựng quy tắc chia sẻ lợi ích từ việc khai thác rừng cũng như các biện pháp chế tài khi người dân vi phạm các quy định quản lý bảo vệ rừng. Quy tắc này phải được tham vấn với các cộng đồng và cả chính quyền địa phương trước khi được áp dụng.

- Xây dựng quy định về tham vấn cộng đồng, quy định quản lý bảo vệ rừng có sự tham gia, chính sách tuyển dụng có ưu tiên người địa phương.

7. Kết luận và kiến nghị

7.1. Kết luận:

Diện tích rừng của Công ty đưa vào kế hoạch để đề xuất cấp chứng chỉ VFCS là 1.291,53 ha, diện tích phân bố rộng trên địa bàn của 06 xã thuộc 03 huyện của tỉnh Bình Định. Do đó khi triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động của Công ty theo tiêu chí VFCS/PEFC sẽ gặp nhiều khó khăn.

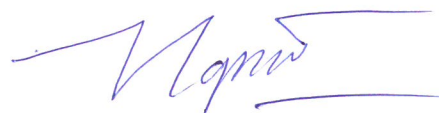
Thành phần dân tộc tại các địa điểm có rừng của Công ty chủ yếu là người Kinh và Bana. Điều kiện phát triển kinh tế tại mỗi khu vực là không đồng đều, thậm chí có sự khác biệt lớn. Người Bana có trình độ canh tác còn lạc hậu, thu nhập thấp, thiếu đất sản xuất và phụ thuộc nhiều vào rừng. Điều này gây ra những tác động tiêu cực đến việc quản lý và phát triển rừng của Công ty.

Các hoạt động lâm nghiệp của Công ty đa phần mang tính tích cực đến đời sống của người dân, dù rằng có những tác động tiêu cực nhưng không nhiều. Các hoạt động lâm nghiệp của Công ty gần đây thay đổi theo chiều hướng tối ưu hóa hiệu quả lao động là tích cực nhưng cần quy định rõ những quy định có lợi cho người dân xung quanh các khu vực rừng do Công ty quản lý để giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng.

7.2. Kiến nghị:

Để đảm bảo những hoạt động lâm nghiệp của Công ty giảm thiểu những tác động xã hội. Đánh giá rủi ro tai nạn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu. Đồng thời tăng cường giám sát các hoạt động đảm bảo thực hiện các hoạt động lâm nghiệp đúng các quy trình Công ty đã ban hành, các quy định của pháp luật./.

**Người viết báo cáo
Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật**



Nguyễn Ngọc Dân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển rừng

2. Đề án trồng rừng gỗ lớn tỉnh Bình Định.

3. Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn, 2018. *Thuyết minh phương án sử dụng đất*.

4. Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn, 2015. Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2025.

5. Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn, 2015. Phương án Phòng cháy chữa cháy rừng giai đoạn 2020-2025.

6. Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Côn, 2023. Dự án quản lý bảo vệ phát triển rừng bền vững giai đoạn 2020-2025.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bảng câu hỏi điều tra hộ gia đình và cá nhân

CÂU HỎI PHÒNG VẤN HỘ GIA ĐÌNH

I. Thông tin chung

Huyện: Xã: Thôn/Buôn:

Ngày phỏng vấn:

Họ và tên người phỏng vấn

Họ và tên người được phỏng vấn:

Giới tính người được phỏng vấn: 1- nam 2- nữ Tuổi:

(Lưu ý: chủ hộ có thể là người trả lời, có thể không phải là người trả lời)

II. Thông tin cơ bản về hộ gia đình

1. Dân tộc:

- | | | | |
|---------|---------|----------|----------------------|
| 1- Kinh | 2- Bana | 3- Êđê | 4- tày |
| 5- Thái | 6- Chăm | 7- Mường | 8- khác: (ghi rõ)... |

2. Gia đình là người địa phương hay từ nơi khác đến?

1- người địa phương (trong phạm vi xã/huyện)

2- nơi khác đến (trả lời tiếp 2 ý dưới đây)

2a. Nếu nơi khác đến: bắt đầu đến địa phương sống từ năm nào:

2b. Trước khi chuyển đến đây, gia đình sống ở đâu:

- | | |
|----------------------|------------------------|
| 1- tỉnh khác lân cận | 2- các tỉnh miền Trung |
| 3- các tỉnh miền Bắc | 4- KB/KTL |

3. Nghề nghiệp chính của chủ hộ (có thể chọn nhiều phương án):

- | | | | |
|----------------|----------------------|-----------------------|----------------|
| 1- nông nghiệp | 2- lâm nghiệp | 3- Chăn nuôi/thủy sản | 4- công nghiệp |
| 5- làm thuê | 6- buôn bán, dịch vụ | 7- thất nghiệp | 8- khác |

4. Anh/chị vui lòng cho biết gia đình mình thuộc thành phần nào sau đây?

1. Làm nông nghiệp, không liên quan đến lâm nghiệp
2. Làm nông nghiệp nhưng vẫn làm thuê cho Công ty lâm nghiệp
3. Làm công nhân của Công ty Lâm nghiệp
4. Làm cán bộ của Công ty lâm nghiệp
5. Khác:

III. Tác động về sinh kế của hộ gia đình

Tài nguyên đất gia đình đang sử dụng

5. Những diện tích đất mà gia đình đang sử dụng thuộc đất Công ty thuộc những dạng nào sau đây?

1. Hợp đồng có thời hạn với công ty
2. Công ty cho trồng xen cây nông nghiệp theo thoả thuận
3. Đất của gia đình nhưng nằm trong ranh giới công ty
4. Đang tranh chấp với công ty
5. Khác:

.....

6a. Nếu là đất của gia đình trong ranh giới của Công ty thì theo anh/chị, Công ty đã có hướng giải quyết như thế nào rồi?

1.
...
2.
...
3.
...

6b. Nếu là đất đang tranh chấp với Công ty thì theo anh/chị việc tranh chấp là vì lý do gì?

1. Chưa xác định ranh giới rõ ràng giữa đất Công ty với đất của gia đình
2. Việc đền bù chưa thoả đáng
3. Lý do khác (cụ thể):.....

2.2 Chăn thả gia súc

7. Việc chăn/thả rong gia súc ở địa phương có bị giới hạn bởi những quy định nào không?

1. Chỉ được chăn/thả rong trên đất công cộng
2. Các hộ gia đình khác do phá hoại hoa màu,
3. Công ty lâm nghiệp địa phương do phá hoại cây/đất rừng
4. Khác:

.....

8. Theo gia đình anh/chị, việc chăn thả gia súc tại địa phương nên có những thay đổi nào để việc chăn nuôi của người dân được tốt hơn?

1.
2.
3.

2.3 Tài nguyên rừng

9. Việc thu hái các loại sản phẩm từ rừng có theo quy định như thế nào?

1. Theo kinh nghiệm của gia đình
2. Theo quy định chung của người dân trong địa phương
3. Theo quy định của Công ty lâm nghiệp
4. Khác:

10. Nếu theo quy định của Công ty lâm nghiệp thì đó là những quy định cụ thể nào?

1.
2.
3.

11. Vậy, theo anh/chị, trong các quy định trên thì quy định nào là làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân nhiều nhất? Tại sao? (1) (2) (3)

1.
2.
3.

12. Theo anh/chị các quy định trên nên được thay đổi như thế nào là hợp lý?

1.
2.
3.

13. Việc thu hái các lâm sản phụ có ảnh hưởng như thế nào đến tài nguyên rừng và đất rừng?

1.
2.
3.

14. Những ảnh hưởng đó đã được Công ty lâm nghiệp giải quyết như thế nào?

1.
2.

15. Theo anh/chị, việc giải quyết của Công ty lâm nghiệp như vậy có những gì chưa hợp lý?

1.
2.
3.

III. Các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp

14. Theo anh/chị, các hoạt động của Công ty lâm nghiệp Sông Kôn có tạo ra công ăn việc làm cho gia đình anh/chị không?

1. Có nhưng rất ít 2. Có, rất tốt 3. Không 4. KB/KTL

15. Nếu Công ty có tạo ra công ăn việc làm cho người dân địa phương thì là những công việc cụ thể nào?

1.
2.
3.

16. Trong các hoạt động của công ty, có hoạt động nào đã hỗ trợ tốt cho phong tục/tập quán của người dân không? Nếu có đó là hoạt động nào?

1. Không có
2. Có, đó là:
- (1).....
- (2).....
- (3).....

17. Trong các hoạt động của Công ty lâm nghiệp, có hoạt động nào cần phải quan tâm đến phong tục/tập quán của người dân không? Nếu có đó là hoạt động nào?

1. Không có
2. Có, đó là:
- (1).....
- (2).....
- (3).....

18. Gia đình anh/chị có tham gia vào việc xây dựng kế hoạch cho các hoạt động của Công ty lâm nghiệp Sông Kôn không?

1. Có 2. Không 3. KB/KTL

Nếu có thì tham gia vào những công việc cụ thể nào?

1.
2.

IV. Nhân định của người dân về Công ty lâm nghiệp Sông Kôn

19. Theo anh/chị, Ranh giới giữa đất Công ty lâm nghiệp Sông Kôn với đất sản xuất của người dân có rõ ràng?

1. Có 2. Không 3. Có nhưng không rõ ràng 4. Khác

20. Anh/chị cho biết Công ty lâm nghiệp Sông Kôn có cho phép người dân vào rừng và đất rừng để khai thác các lâm sản phụ như măng, nấm, mật ong, rau... không?

- 1- Không cho phép 2- Có nhưng cần xin phép
- 3- Có nhưng theo mùa 4- Không cho phép nhưng vẫn khai thác
5. Khác

21. Các quy định của Công ty lâm nghiệp Sông Kôn có làm ảnh hưởng như thế nào đến văn hoá của cộng đồng?

- 1- Không ảnh hưởng gì 2- Có nhưng không đáng kể
3- Làm ảnh hưởng nhiều 4- khác (ghi rõ):

22. Hiện nay, những vấn đề nào cần quan tâm nhất giữa Công ty lâm nghiệp Sông Kôn với người dân?

1.
2.
3.

Xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ thông tin của gia đình anh/chi

Phụ lục 2. Bảng câu hỏi đối với Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

NỘI DUNG PHỎNG VẤN VỚI BÊN CÔNG TY LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

1. Vai trò các bên liên quan

Các bên liên quan	Vai trò
Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và ban lãnh đạo công ty	
Nhóm thứ hai là các đơn vị trong Công ty (phân trường), UBND các xã, các hạt/trạm kiểm lâm trên địa bàn	
Nhóm thứ ba là các cộng đồng, người lao động chịu tác động trực tiếp từ các hoạt động của lâm nghiệp	
Các tổ chức xã hội địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp..)	

Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty?

3. Các vấn đề liên quan đến cán bộ công ty?

3.1. Đảm bảo các chế độ của người lao động (Hợp đồng, BHYT, BHXH, BHTN...)

3.2. Đảm bảo vấn đề bảo hộ lao động và môi trường làm việc

3.3. Cơ hội nâng cao năng lực (đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn..)

3.4. Vấn đề khen thưởng và khích lệ tinh thần

4. Đánh giá tác động của các hoạt động kinh doanh của Công ty tới xã hội

Bảng ma trận đánh giá với cán bộ Công ty Sông Kôn

STT	Hoạt động	Miêu tả hoạt động	Đánh giá tác động		Giải pháp
			Tích cực	Tiêu cực	
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	- Dọn thực bì, - Cuốc hố, lấp hố - Trồng, chăm sóc cây trồng.			
2	QLBV và phòng chống cháy rừng	- Bảo vệ rừng - Lâm ranh cảnh lửa			
3	Khai thác rừng trồng	- Ủi sửa đường - Khai thác - Vận chuyển			
4	Phát dọn thực bì trước khi trồng				
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ lâm nghiệp				
6 ¹	Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty (hỗ trợ cơ sở vật chất, văn hóa xã hội...)	- Công ty hỗ trợ, tặng quà tết cho gia đình chính sách, hộ nghèo; hỗ trợ địa phương làm đường, xây nhà tình nghĩa; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; hỗ trợ giống cây lâm nghiệp; trồng cây xanh			

¹ Công ty lâm nghiệp Sông Kôn đã thực hiện nhiều hoạt động mang tính xã hội tại các địa phương có diện tích rừng của công ty. Các hoạt động như kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, hỗ trợ gỗ làm bàn ghế học sinh, hỗ trợ giống cây trồng nông lâm nghiệp, hỗ trợ tiền xây dựng nhà tình thương, quỹ khuyến học cho địa phương, quà tết cho các hộ gia đình sống ven rừng của công ty. Bên cạnh đó, công ty còn cử người tham gia các lễ hội truyền thống, gìn giữ phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý. Dù vậy, những hoạt động này của công ty có những mặt tích cực và tiêu cực của nó.

**Phụ lục 03: Bảng hỏi dành cho các bên liên quan.
NỘI DUNG PHÒNG VẤN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

1. Vai trò các bên liên quan

Các bên liên quan	Vai trò
Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và ban lãnh đạo công ty	
Nhóm thứ hai là các đơn vị trong Công ty (phân trường), UBND các xã, các hạt/trạm kiểm lâm trên địa bàn	
Nhóm thứ ba là các cộng đồng, người lao động chịu tác động trực tiếp từ các hoạt động của lâm nghiệp	
Các tổ chức xã hội địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp..)	

2. Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty?

3. Các vấn đề liên quan đến cộng đồng?

3.1. Cơ hội việc làm

3.2. Cải thiện về cơ sở hạ tầng

3.3. Thu nhập của cộng đồng từ khai thác tài nguyên rừng (LSNG và gỗ)

3.4. Cơ hội nâng cao năng lực sản xuất (Áp dụng khoa học kỹ thuật học tập từ công ty)

3.5. Cải thiện các vấn đề về tinh thần (hỗ trợ tổ chức lễ hội, hạ tầng, giao lưu văn hóa văn nghệ..)

4. Đánh giá tác động của các hoạt động kinh doanh của Công ty tới xã hội

Bảng ma trận đánh giá với cán bộ Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

STT	Hoạt động	Miêu tả hoạt động	Đánh giá tác động		Giải pháp
			Tích cực	Tiêu cực	
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	- Dọn thực bì, - Cuốc hố, lấp hố - Trồng, chăm sóc cây trồng.			
2	QLBV và phòng chống cháy rừng	- Bảo vệ rừng - Làm ranh cản lửa			
3	Khai thác rừng trồng	- Ủi sửa đường - Khai thác - Vận chuyển			
4	Phát dọn thực bì trước khi trồng				
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ lâm nghiệp				
6 ²	Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty (hỗ trợ cơ sở vật chất, văn hóa xã	- Công ty hỗ trợ, tặng quà tết cho gia đình chính sách, hộ nghèo; hỗ trợ địa phương làm đường, xây nhà tình nghĩa; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; hỗ trợ giống cây lâm nghiệp; trồng cây xanh			

² Công ty lâm nghiệp Sông Kôn đã thực hiện nhiều hoạt động mang tính xã hội tại các địa phương có diện tích rừng của công ty. Các hoạt động như kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, hỗ trợ gỗ làm bàn ghế học sinh, hỗ trợ giống cây trồng nông lâm nghiệp, hỗ trợ tiền xây dựng nhà tình thương, quỹ khuyến học cho địa phương, quà tết cho các hộ gia đình sống ven rừng của công ty. Bên cạnh đó, công ty còn cử người tham gia các lễ hội truyền thống, gìn giữ phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý. Dù vậy, những hoạt động này của công ty có những mặt tích cực và tiêu cực của nó.

	hội...)				
--	---------	--	--	--	--

Phụ lục 04. Vị trí địa lý các khu vực cần đánh giá tác động thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

TT	Địa điểm		Diện tích	Vị trí địa lý			Phạm vi địa giới			
	Xã	Huyện	Tỉnh				Phía Bắc	Phía Nam	Phía Đông	Phía Tây
1	Vĩnh Thuận	Vĩnh Thạnh	Bình Định	Từ 14 ⁰² '45" đến 14 ⁰⁷ '0" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁴² '10" đến 108 ⁰⁴⁵ '32" kinh độ Đông	Rừng của BQLRPH Vĩnh Thạnh	Rừng của BQLRPH Vĩnh Thạnh	Rừng của BQLRPH Vĩnh Thạnh	Rừng của BQLRPH Vĩnh Thạnh	Ranh giới tỉnh Gia Lai
2	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Bình Định	Từ 14 ⁰¹ '6" đến 14 ⁰³ '5" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁴⁹ '34" đến 108 ⁰⁵¹ '57" kinh độ Đông	Rừng xã quản lý	Rừng xã quản lý	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân
3	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Từ 13 ⁰⁵⁸ '13" đến 14 ⁰¹ '26" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁴⁷ '23" đến 108 ⁰⁴⁸ '26" kinh độ Đông	Rừng của Công ty	Rừng của Công ty	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân
4	Bình Tân	Tây Sơn	Bình Định	Từ 13 ⁰⁵⁸ '37" đến 14 ⁰² '7" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁵⁵ '50" đến 108 ⁰⁵⁷ '56" kinh độ Đông	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng của Công ty	Rừng trồng của hộ dân
5	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Từ 13 ⁰⁵⁸ '42" đến 14 ⁰¹ '40" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁵⁶ '51" đến 108 ⁰⁵⁸ '15" kinh độ Đông	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng trồng của hộ dân	Rừng của Công ty
6	Đak Mang	Hoài Ân	Bình Định	Từ 14 ⁰²⁰ '47" đến 14 ⁰²⁴ '2" vĩ độ Bắc.	Từ 108 ⁰⁴⁶ '33" đến 108 ⁰⁴⁸ '39" kinh độ Đông	Rừng của cty NLG Quy Nhơn	Rừng của cty NLG Quy Nhơn	Rừng xã quản lý	Rừng của cty NLG Quy Nhơn	Rừng xã quản lý

7	Bok Tới	Hoài Ân	Bình Định	89,56	Từ 14°20'12" đến 14°21'2" vĩ độ Bắc.	Từ 108°47'9" đến 108°49'11" kinh độ Đông	Rừng của Cty NLG Quý Nhơn	Rừng của BQLRPH Hoài Ân	Rừng của BQLRPH Hoài Ân	Rừng xã quản lý
---	---------	---------	--------------	-------	--	--	---------------------------------	-------------------------------	-------------------------------	--------------------

Phụ lục 07: Một số hình ảnh tác động tích cực đến xã hội



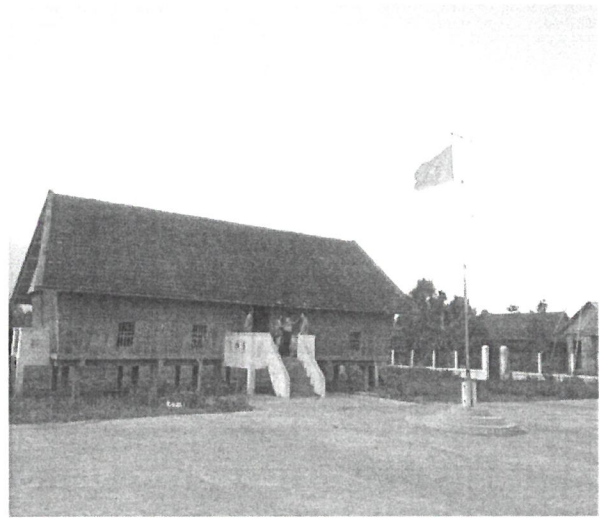
Sử dụng lao động địa phương khai thác gỗ



Rừng của hộ dân được áp dụng kỹ thuật



Cho người dân sử dụng 160ha diện tích trồng rừng để trồng dưa hấu tại Bình Tân



Hỗ trợ hoàn thiện nhà văn hóa thôn và trang thiết bị nhằm bảo tồn văn hóa dân tộc



Xây dựng hồ chứa nước nhân tạo phục vụ sản xuất mùa khô cho người dân địa phương



Mở đường phục vụ dân sinh và hoạt động Lâm nghiệp tại Nghĩa An, Kbang, Gia Lai

Phụ lục 08: Một số hình ảnh tác động tiêu cực đến xã hội



Rác thải chưa qua xử lý ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và gia súc



Nhà kho chứa phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chung với nhà ở của công nhân



Người khai thác tại Bình Tân không có bảo hộ lao động và nơi sinh hoạt tạm bợ



Nguồn nước sinh hoạt của người khai thác tại Bình Tân không đảm bảo vệ sinh



Nhà thầu sử dụng người chưa đủ độ tuổi lao động và không có hợp đồng lao động



Vận chuyên gỗ làm hư hại một phần hệ thống đường giao thông tại một số khu vực